

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGD-ST

Ngày 19 tháng 7 năm 2021

“*V/v: Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Bùi Thị Việt Hà**

2. Ông: **Lương Văn Hưởng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hồng Ngân, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Trí Giáp – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2021/TLST-HN&GD ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “*Ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Họ và tên: Anh **Tùng Văn N**; sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Bản L, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nghĩa: Bà Hà Thị T – Trợ giúp viên pháp lý, nơi công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn:

Họ và tên: Chị **Quàng Thị X**; sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 29/3/2021; tại bản tự khai đề ngày 10/5/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn anh **Tùng Văn N** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (N) và chị **Quàng Thị X** đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 07/5/2018 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó tôi và chị X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp. Mặc dù đã được gia đình và tổ hòa giải của bản hòa giải, khuyên can nhiều lần nhưng cuộc sống

chung của vợ chồng tôi vẫn không cải thiện, ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01/2019 tôi và chị X đã sống ly thân, chị X đã chuyển về sống cùng bố mẹ tại bản T, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nay tôi thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị Quảng Thị X không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Quảng Thị X.

Về con chung: Tôi và chị X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Tôi và chị X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh N vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Quảng Thị X; Về con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai anh đã trình bày.

Bị đơn: Chị Quảng Thị X được triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của anh N là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Anh N và chị Quảng Thị X đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 07/5/2018 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn. Sau đó anh N và chị X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân đã lâu, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N và tuyên bố anh N được ly hôn chị X.

Thứ hai về con chung: Anh N và chị X không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống anh N và chị X không có tài sản chung; Nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí: Anh N là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh N.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về hôn nhân*: Áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu của anh N, tuyên xử cho anh Tòng Văn N được ly hôn với chị Quàng Thị X

- *Về con chung*: Anh N, chị X không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung*: Đương sự không yêu cầu.

Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- *Về án phí*: Miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho anh Tòng Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng**: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 30/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “Ly hôn” giữa nguyên đơn là anh Tòng Văn N và bị đơn chị Quàng Thị X, Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tổng đạt cho bị đơn là chị Quàng Thị X, chị X không có mặt ở nhà, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Hết thời hạn 15 ngày bị đơn chị Quàng Thị X không có ý kiến gì.

Ngày 20/4/2021 anh Tòng Văn N có đơn đề nghị không hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên không tổ chức hòa giải. Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/4/2021 đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ; Nguyên đơn anh Tòng Văn N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị Quàng Thị X. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải mà Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 29/6/2021, Nguyên đơn là anh Tòng Văn N có mặt, bị đơn là chị Quàng Thị X vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm

2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 19/7/2021.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn là anh Tòng Văn N (có mặt); Bị đơn là chị Quàng Thị X vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị X.

[2] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 29/3/2021; bản tự khai ngày 09/4/2021 của nguyên đơn là anh Tòng Văn N; lời trình bày của anh N tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Anh N và chị X lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2018 tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó anh N và chị X thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp, mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Từ tháng 01/2019 anh N và chị X đã sống ly thân. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị X đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Tòng Văn N. Tuyên xử cho anh Tòng Văn N được ly hôn với chị Quàng Thị X.

Về con chung: Anh N, chị X không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về: Anh N và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Anh N là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho anh Nghĩa.

Ý kiến của Kiểm sát viên và người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn tại phiên tòa yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Tòng Văn N là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tòng Văn N; Anh Tòng Văn N ly hôn chị Quàng Thị X

2. Về con chung: Không có, đương sự không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Không có, đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho anh Tòng Văn N.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Anh Tòng Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/7/2021). Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã N;
- Người BVQVLIHP của đương sự;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân